

K, ngày 12 tháng 04 năm 2019.

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 59/2019/TLST – HNGĐ ngày 13/03/2019 về việc xin ly hôn, giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1983.

Nơi đăng ký HKTT: Thôn D, xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

Hiện trú tại: Thôn A- xã L- huyện B- tỉnh Hưng Yên.

- **Bị đơn:** Anh Văn Đình S, sinh năm 1979.

Nơi đăng ký HKTT và trú tại: Thôn D, xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** cháu Văn Đình Q, sinh ngày 06/11/2004 và cháu Văn Đình H, sinh ngày 02/10/2006.

Người giám hộ cho cháu Q và cháu H là anh Văn Đình S- bố đẻ của các cháu. Điều đăng ký HKTT và trú tại: Thôn D, xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83- Luật Hôn Nhân và Gia Đình năm 2014; khoản 3 Điều 147 – Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/ 12/ 2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 04 năm 2019.

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04/04/2019 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:** Chị Nguyễn Thị X và anh Văn Đình S.

**2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

**2.1 Về con chung:** Giao cả hai con chung là cháu Văn Đình Q, sinh ngày 06/11/2004 và cháu Văn Đình H, sinh ngày 02/10/2006 cho anh Văn Đình S được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị X và anh S đều không yêu cầu tòa án đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn chị X có quyền thăm nom con chung của mình theo quy định của pháp luật.

**2.2 Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác nông nghiệp 03, công sức đóng góp xây dựng đối với hai bên gia đình:** Chị X và anh S đều không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét giải quyết.

**2.3 Về án phí:** Chị Nguyễn Thị X tự nguyện nhận nộp cả 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí LHST. Đối trừ với số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị X đã nộp theo biên lai thu số 0001123 ngày 13/3/2019, nên chị X được trả lại 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Khoái Châu.

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- VKSND huyện Khoái Châu;
- UBND xã T;
- Chi cục THADS huyện Khoái Châu;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG**

